

NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN DÂN CHỦ VÀ QUÁ TRÌNH DÂN CHỦ HÓA

LÊ THỊ THU MAI^(*)

Nhà nay, việc hoàn thiện nền dân chủ vẫn đang là công việc mà nhiều quốc gia hướng đến với những nỗ lực hiện thực nó trong đời sống xã hội, chuyển hóa những nội dung của dân chủ vào thực tiễn cuộc sống – đó là quá trình dân chủ hóa. Chính vì vậy, dân chủ hóa vẫn đang là *xu hướng chính trị* không thể bỏ qua đối với bất cứ quốc gia nào dù là phát triển hay đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Vào giữa những năm 70 của thế kỷ XX, có khoảng trên 2/3 các nhà nước trên thế giới được tổ chức theo kiểu mà người ta gọi là chủ nghĩa chuyên quyền. Giờ đây con số này đã giảm đi một cách đáng kinh ngạc: chỉ còn 1/3 (Nguyễn Đăng Quang, 1984). Điều này có nghĩa là: dân chủ hóa đã trở thành một chuẩn mực căn bản, khách quan, quy định tính chính thống chính trị của thời đại ngày nay. Về mặt hình thức, dân chủ hóa là *quá trình dịch chuyển dân quyền lực nhà nước cho người dân*. Một mặt, dân chủ hóa *mở rộng môi trường chính trị và không gian chính* để người dân ngày càng có những điều kiện và cơ hội tham gia mạnh mẽ vào các công việc của nhà nước, của cộng đồng; *thiết lập sự ràng buộc chặt chẽ* giữa quyền lực nhà nước và quyền

lực nhân dân cũng như mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, công dân và nhà nước. Mặt khác, dân chủ hóa còn là *quá trình chuyển đổi từ bộ máy chuyên quyền, quan liêu* sang các thể chế được hình thành trên cơ sở *tôn trọng ý chí của người dân*.

Con đường hiện thực hóa dân chủ là *kiếm tìm khả năng và định hình những tính chất của dân chủ hóa*. Đó còn là *sự tương tác và hoàn thiện* giữa *con người và thể chế* nhằm mang lại giá trị và lợi ích chung cho cộng đồng. Sự tương tác giữa con người chính trị và thể chế chính trị là tác nhân tạo nên động lực biến đổi quyền lực chính trị, hệ thống chính trị của mọi thời đại. Bài viết tập trung làm rõ những nhân tố cơ bản tác động đến quá trình dân chủ hóa, bao gồm kinh tế, văn hóa, lịch sử và xã hội, và toàn cầu hóa.

1. Nhân tố kinh tế

Tác động của nhân tố kinh tế đối với quá trình dân chủ hóa từ lâu đã được xem là vừa trực tiếp, vừa tích cực. Nhiều ý kiến cho rằng, phát triển kinh tế bền vững dẫn tới sự xuất hiện của các thiết chế dân chủ, và tất yếu dẫn đến

^(*) NCV., Viện Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

chính bản thân nền dân chủ. Bên cạnh đó, các nghiên cứu thời gian qua đã bắt đầu làm sáng tỏ vấn đề phát triển kinh tế có thể ảnh hưởng đến quá trình dân chủ hóa và mức độ bền vững của dân chủ như thế nào.

Trong một thống kê mang tính khai phá về mối quan hệ giữa kinh tế và dân chủ, Adam Przeworski và Fernando Limongi đã tranh luận về quan niệm cho rằng, sự thịnh vượng về kinh tế làm gia tăng những tác động tới quá trình dân chủ hóa và sẽ dẫn đến dân chủ (Adam Przeworski and Fernando Limongi, 1997). Theo đó, thịnh vượng về kinh tế có tác động đáng kể đối với tỷ lệ tồn tại của nền dân chủ, chứ không phải là tỷ lệ xuất hiện dân chủ. Nói cách khác, nếu xét trên mức độ lấy thịnh vượng là một biến số độc lập thì nền dân chủ yếu ớt thường có khả năng dễ suy sụp hơn là nền dân chủ thịnh vượng. Những phân tích của Adam Przeworski và Fernando Limongi còn cho thấy, trong một số trường hợp, sự thịnh vượng về kinh tế không làm tăng dân chủ, ví dụ các chế độ chuyên chế giàu có vẫn cứ chuyên chế cho dù có sự gia tăng mức độ thịnh vượng. Nhưng khi sự thịnh vượng đạt trên một mức nào đó thì tác động của nó đối với mức bền vững của dân chủ là rất mãnh liệt và rõ ràng: khả năng tồn tại của một nền dân chủ tăng cùng với mức độ thịnh vượng được đo bằng thu nhập bình quân đầu người. Khi thu nhập bình quân đầu người là 1.000 USD (tính toán theo tỷ suất sức mua ngang bằng) thì tuổi thọ trung bình của nền dân chủ là 8 năm. Khi thu nhập bình quân đầu người ở khoảng từ 2.001 đến 3.000 USD thì tuổi thọ trung bình của nền dân chủ tăng lên 26 năm; và khi thu nhập bình quân đầu người tăng lên 6.000 USD thì nền dân chủ sẽ

bất tử. Các bằng chứng thống kê cũng cho thấy, ở chế độ chuyên chế vẫn có thể có những người giàu có với mức thu nhập bình quân cao như vậy (Farrukh Iqbal và Jong-Il You, 2002, tr.53).

Ngược lại, nghiên cứu của một số nhà khoa học chính trị khác lại kết luận rằng, sự thịnh vượng về kinh tế có tác động có thể đo đếm được - mặc dù ở mức độ vừa phải đối với quá trình dân chủ hóa. Phân tích thống kê do John B. Londregan và Keith Poole thực hiện chỉ ra rằng, khi thu nhập bình quân đầu người tăng gấp đôi sẽ có ảnh hưởng đặc biệt lớn đối với những nước chuyên quyền ở mức độ vừa phải (tăng thêm 30%) (Trích theo: Farrukh Iqbal và Jong-Il You, 2002).

Quan điểm cho rằng kinh tế phát triển sẽ từng bước tạo nên các định chế dân chủ, cuối cùng là dân chủ toàn bộ, thường dựa vào năm lập luận chính: *Thứ nhất*, kinh tế phát triển sẽ khiến giai cấp trung lưu có học tăng mạnh. Khi đủ lớn, thành phần này sẽ đòi hỏi dân chủ, và chính họ sẽ là chỗ dựa cho chế độ dân chủ ấy. Seymour Martin Lipset, có lẽ là học giả đầu tiên đưa ra lý giải này, cho rằng dân chủ vừa là một hậu quả, vừa là một nhân tố của phát triển kinh tế (Xem: Seymour Martin Lipset, 1995). *Thứ hai*, kinh tế phát triển sẽ ảnh hưởng đến tư duy của đa số trong xã hội: hướng tư duy ấy về cá nhân thay vì tập thể, tăng ý thức về cái riêng, về tự do cá nhân và quyền tự quyết. Nói cách khác, kinh tế phát triển sẽ khơi dậy những “giá trị chính trị” lấy cá nhân làm gốc. Theo ý kiến này, những giá trị ấy là mầm mống của dân chủ. *Thứ ba*, kinh tế phát triển sẽ nâng cao dân trí. Khi biết rõ hơn về cơ cấu chính trị, ý thức hơn về quyền lợi và

quyền hạn của họ, người dân sẽ bảo vệ quyền của họ tích cực hơn, theo những đường lối có hiệu quả hơn. Đó là dân chủ. *Thứ tư*, kinh tế phát triển thì khu vực tư cũng phát triển theo, giàu có hơn. Khu vực này sẽ có khả năng hoạt động độc lập, ít lệ thuộc vào nhà nước. Điều đó ít nhiều làm gia tăng năng lực của xã hội dân sự - như một đối trọng đối với khu vực công. Hơn nữa, khi đời sống người dân càng sung túc thì xã hội càng hài hoà, giảm đi những đòi hỏi về phân bổ của cải, dân chủ nhờ thế mà ổn định hơn. *Thứ năm*, kinh tế phát triển thường đòi hỏi mở rộng quy mô, mở cửa kinh tế. Một quốc gia phát triển, theo đó, cũng là một quốc gia tiếp xúc nhiều với thế giới về văn hóa, xã hội cũng như chính trị. Chính sự giao lưu này giúp cho các luồng thông tin thông thoáng hơn, chính quyền chuyên chế khó kiểm soát, đồng thời sự chuyên chế ấy phần nào cũng bị kìm hãm qua áp lực của các đối tác quốc tế (Trích theo: Farrukh Iqbal và Jong-Il You, 2002).

Mặc dù có những nhận định khác nhau về sự tác động của nhân tố kinh tế tới dân chủ và dân chủ hóa, nhưng những bất đồng ấy không làm lu mờ một thực tế cốt lõi là, kinh tế phát triển có tác động trực tiếp tới dân chủ hóa và mang lại lợi ích cho dân chủ. Sự vận động của xu hướng dân chủ hóa và việc xác lập mô hình thể chế dân chủ hiện đại diễn ra như một quy luật ở chỗ chúng đều khởi phát từ cải cách kinh tế, trên giá đỡ của kinh tế và đều hướng đích tới kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường có vai trò là động lực kích thích phát triển dân chủ, tạo ra tất yếu kinh tế để đổi mới thể chế chính trị và hệ thống chính trị, dân chủ hóa chính trị và xác lập nhà nước pháp quyền dân

chủ với vai trò tối thượng của pháp luật theo tinh thần thượng tôn pháp luật.

Dân chủ là một quan hệ lợi ích, trước hết là lợi ích kinh tế-vật chất, nó là nội dung kinh tế của dân chủ với tính cách là quyền lực nhân dân, hay quyền làm chủ của chính họ. Chính vì thế, dân chủ trong kinh tế là tính hiện thực căn bản, thực chất của dân chủ. Như một lẽ tự nhiên, dân chủ hóa kinh tế là đòi hỏi đầu tiên, là vấn đề trực tiếp nhất khi xã hội bước vào vận động dân chủ hóa. *Kinh tế thị trường chính là động lực của dân chủ hóa*, từ dân chủ kinh tế đến dân chủ chính trị, dân chủ cá nhân và dân chủ xã hội, mà lịch sử đã tìm thấy và vạch lấy con đường đi của nó.

2. Các nhân tố văn hóa, lịch sử và vốn xã hội

Mỗi xã hội có vô vàn các yếu tố như lịch sử, văn hóa truyền thống, tâm lý, thói quen, tập quán, v.v... Những yếu tố này ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống chính trị và tính năng động của xã hội hiện đại, và sự ảnh hưởng này có thể tích cực, cũng có thể tiêu cực đối với quá trình dân chủ hoá. Đặc biệt, các cấu trúc, giá trị và thói quen của đời sống chính trị truyền thống đặt dấu ấn sâu sắc của chúng vào đời sống chính trị hiện đại.

Thuật ngữ “vốn văn hóa - xã hội” (chúng ta vẫn gọi là vốn xã hội) dùng để chỉ mức độ dày đặc những quan hệ tương tác trong nội bộ và giữa các nhóm, các tổ chức xã hội - cái tạo ra lòng tin xã hội làm cơ sở cho các hoạt động hợp tác có hiệu quả vì các mục tiêu công cộng. Trong công trình nghiên cứu *Making democracy work*, Robert Putnam, khi nghiên cứu sự tồn tại và phát triển của các thể chế dân chủ cơ sở Italia, đã chỉ ra một cách thuyết phục

rằng: *sự sống còn của các thể chế dân chủ phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố vốn văn hóa - xã hội*. Nghiên cứu các nhân tố tác động tới quá trình dân chủ hóa, chúng ta không thể không đề cập tới bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị đó là văn hóa chính trị, yếu tố lịch sử và xã hội.

Văn hóa chính trị là các giá trị kết tinh được đúc rút trong quá trình con người tham gia vào các sinh hoạt khác nhau của đời sống chính trị. Với cách hiểu như vậy, văn hóa chính trị được cấu thành bởi nhiều yếu tố khác nhau, trong đó có những yếu tố thúc đẩy quá trình dân chủ, nhưng cũng có không ít các yếu tố lạc hậu lại kìm hãm tốc độ và quy mô của dân chủ hóa.

Ngoài sự phụ thuộc vào yếu tố kinh tế như đã phân tích ở trên, sự tiến hóa của dân chủ còn phụ thuộc rất lớn vào các yếu tố truyền thống, thói quen, các phương pháp nhận thức thế giới do lịch sử để lại, tình hình đất nước, sự phân bố các lực lượng chính trị, quan điểm của các lãnh tụ, v.v... Những yếu tố này được thể hiện cô đọng nhất trong văn hóa chính trị.

Văn hoá chính trị theo quan điểm của G. Almond gồm: Anh-Mỹ, châu Âu lục địa, gia trưởng-độc đoán và toàn trị. Văn hóa chính trị Anh-Mỹ có đặc điểm là thể tục, thực dụng, trung dung, đồng thuận toàn dân, nghĩa là ôn hòa, không chấp nhận cực đoan. Văn hóa chính trị châu Âu lục địa cũng có đặc điểm là trung dung nhưng có thêm các thành tố mang tính lý tưởng hóa, có tính chu kỳ, chia tách cử tri thành các khối (ví dụ rõ nhất là nền văn hóa chính trị của Pháp). Đặc trưng của nền văn hóa chính trị gia trưởng-độc đoán là việc coi xã hội như một gia đình lớn, đứng đầu là một

lãnh tụ cứng rắn. Cuối cùng, văn hóa toàn trị là hậu quả của việc vận hành một cơ chế xã hội mà ở đó con người mất hết cá tính và chỉ còn lại một phần của cơ chế (Trích theo: N. M. Voskresenskaia, N. B. Davletshina, 2009, tr.200-201).

Với quan niệm trên, có thể rút ra nhận xét rằng, ở các nước Anh-Mỹ và châu Âu lục địa, quá trình dân chủ hóa được diễn ra một cách thuận lợi và mạnh mẽ, nó được hậu thuẫn bởi một nền văn hóa chính trị dân chủ. Ở các khu vực này, các yếu tố truyền thống, lịch sử, văn hóa đã tạo điều kiện cho hành động chính trị theo tinh thần đoàn kết và khuyến khích phát triển các hình thức tự quyết trong xã hội dân sự; nó mang lại một định hướng chính trị cho đa số người dân, hướng vào việc thực hiện các giá trị cơ bản của xã hội, đề cao con người cộng đồng, hòa hợp cộng đồng; khuyến khích đối thoại thường xuyên trong công luận và tạo ra không gian chung, nơi có thể diễn ra các cuộc đối thoại nhằm hiểu biết lẫn nhau; đồng thời, nền văn hóa chính trị có khả năng thỏa hiệp lợi ích xã hội và biết hướng tới mục tiêu công bằng và trách nhiệm xã hội, gắn lợi ích cá nhân với lợi ích cộng đồng, sẵn sàng trong việc chấp nhận một tương quan hợp lý giữa đồng thuận và xung đột. Còn ở các nước bị ảnh hưởng bởi chế độ gia trưởng-độc đoán và toàn trị, quá trình dân chủ hóa diễn ra hết sức khó khăn và đòi hỏi một sự hy sinh to lớn về thời gian, sức lực và tiền của, bởi ở những nước này, các yếu tố của văn hóa chính trị đã trở thành thói quen rất khó thay đổi trong nhận thức của người dân, từ đó nó trở thành lực cản vô hình đối với việc thực thi các giá trị dân chủ. Chẳng hạn, một đất nước có chế độ độc tài, quân chủ kéo dài hàng

trăm năm, không có một số đặc điểm điển hình của các dân tộc có truyền thống dân chủ, thì quá trình dân chủ hóa ở đó diễn ra hết sức chậm chạp, bởi người dân chưa hình thành ý thức và thói quen về dân chủ, họ chỉ có thói quen phục tùng mệnh lệnh và thờ ơ với lĩnh vực chính trị, coi chính quyền là một thứ tai họa cần tránh và chỉ đến gần trong những tình huống mang tính cưỡng chế bắt buộc.

Có thể nói, các yếu tố văn hóa truyền thống, lịch sử, mặc dù không mang tính quyết định trực tiếp như yếu tố kinh tế, nhưng nó có ảnh hưởng rất lớn đối với việc hình thành và phát triển của các nền dân chủ. Do đó, trong quá trình dân chủ hóa, nếu chúng ta áp dụng các mô hình dân chủ một cách máy móc mà không tính đến những yếu tố, những giá trị truyền thống, lịch sử, hoặc xem xét, đánh giá nền dân chủ của một nước mà tách rời khỏi những yếu tố văn hóa, thì sớm muộn chúng ta sẽ phải đối mặt với những thất bại.

3. Quá trình toàn cầu hóa

Ngày nay, toàn cầu hóa đang trở thành xu thế tất yếu khách quan không quốc gia nào có thể cưỡng lại được. Cùng với quá trình toàn cầu hóa, dân chủ cũng đang lan rộng như những vết dầu. Không thể phủ nhận rằng, toàn cầu hóa với tất cả hệ quả của nó đang thúc đẩy một quá trình cải biến và đổi mới mạnh mẽ về dân chủ. Quá trình này đã thực sự trở thành một “con lọc chính trị” lõi cuốn tất cả các xã hội “mở”, ở những mức độ khác nhau, tạo nên những diện mạo mới cho nền dân chủ ở các quốc gia khác nhau trên thế giới.

Như vậy, dưới sự tác động của toàn cầu hóa, dân chủ hoá cũng trở thành

trào lưu toàn cầu: từ dân chủ hóa tại mỗi xã hội, mỗi quốc gia sang dân chủ hóa sinh hoạt quốc tế, trong mọi lĩnh vực xã hội, từ kinh tế, thương mại, tài chính, đến văn hóa, chính trị-xã hội. Nếu như trước đây, khi nói đến nền dân chủ người ta thường gắn liền với các khu vực địa lý, quốc gia như: nền dân chủ Mỹ, nền dân chủ Thailand hay nền dân chủ Nhật Bản, Hàn Quốc, v.v... thì ngày nay, dưới tác động của toàn cầu hóa, những khoảng cách hay sự phân biệt về không gian địa lý đối với các nền dân chủ đang dần mờ nhạt. Khi người ta nói đến dân chủ thì gắn liền với nó là những đặc trưng của khu vực nhiều hơn là đặc trưng mang tính quốc gia như: nền dân chủ Đông Á, nền dân chủ phương Tây, hay nền dân chủ Mỹ Latinh,... Đúng như Huntington đã nói, sự va chạm giữa các nền văn minh đã làm cho quốc gia độc tài nhất cũng phải trở nên dân chủ, và các quốc gia kém dân chủ thì sẽ phải trở nên dân chủ hơn nếu nó muốn tồn tại và phát triển trong một thế giới năng động. Trong sự “va chạm” đó, đối với các nước nghèo và kém phát triển, toàn cầu hóa đã tạo ra sức ép lớn cho những cải cách, đổi mới chính trị hướng đến các giá trị dân chủ, và quá trình này làm cho các nền dân chủ xích lại gần nhau để tìm kiếm những luật chơi chung.

Cùng với quá trình toàn cầu hóa, các yếu tố có tính thời đại như sự phát triển của kinh tế tri thức và khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, đã làm cho quá trình dân chủ hóa diễn ra với tốc độ chóng mặt. Nó không những cải thiện đáng kể mối quan hệ giữa người dân và chính quyền trong mỗi quốc gia mà còn kéo gần khoảng cách giữa các nền dân chủ, làm cho

chúng hòa quyện, đan xen vào nhau. Và “tất yếu kỹ thuật” này đã tạo nên động lực rất mạnh đối với dân chủ.

Ngày nay, các cải cách về mặt chính trị ở mỗi quốc gia đều hướng đến việc xây dựng và phát triển hệ thống chính phủ điện tử - đó là việc *ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông* để các cơ quan chính phủ *đổi mới*, làm việc *hiệu lực, hiệu quả* và *minh bạch hơn*, cung cấp thông tin, dịch vụ *tốt hơn* cho người dân, doanh nghiệp và các tổ chức, tạo điều kiện *thuận lợi hơn* cho người dân thực hiện quyền dân chủ và tham gia quản lý nhà nước.

Tại các nước mà chính phủ điện tử hoạt động hiệu quả như Mỹ, Canada, Singapore, mạng Internet và máy tính là kênh thông tin hai chiều quan trọng kết nối nhà nước với nhân dân. Ở Singapore, 75% người dân sử dụng công cụ điện tử trong giao dịch với chính quyền. Trên trang web của Chính phủ, người dân có thể tìm hiểu thông tin của các cơ quan công quyền, các thông tin liên quan trực tiếp đến tất cả dịch vụ công chủ yếu và thực hiện trực tuyến bất cứ lúc nào các dịch vụ đó, mà không cần phải đến tận nơi làm các thủ tục bàn giấy. Hình thức phục vụ này ngoài việc tránh cho người dân những lãng phí không cần thiết như hao tổn về thời gian, sức lực, tiền của, tinh thần,... còn hạn chế những phiền toái chủ quan, những căn bệnh “hành chính”. Điều này rõ ràng mang lại rất nhiều lợi ích cho người dân.

Cùng với khả năng tiếp cận *thông tin về các dịch vụ công và thực hiện các dịch vụ đó trực tuyến*, tiện lợi, đơn giản, nhanh chóng, chính phủ điện tử còn mang lại cho người dân nhiều cơ hội *nhắm bắt thông tin quan trọng* về các

hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hơn nữa, tạo cơ chế và điều kiện *kiểm soát nhà nước* và tham gia vào các hoạt động chính trị. Ở Mỹ, bằng việc cung cấp đường dẫn địa chỉ thư điện tử của các nhà lập pháp, trang web của các bang đã tạo cho người dân khả năng trao đổi trực tiếp với những quan chức trên địa bàn của mình. Cơ quan lập pháp của bang Arizona cho phép người dân đăng ký để phát biểu trước một ủy ban qua trạm điện thoại công cộng. Còn bang Nevada, trang ý kiến bầu chọn đã đăng tải hơn 20.000 ý kiến phản hồi trong kỳ họp lập pháp thường kỳ năm 2003. Và trên toàn nước Mỹ, theo một cuộc điều tra của Dự án Internet và Đời sống Mỹ, 23 triệu người Mỹ đã dùng Internet để gửi ý kiến phản hồi của mình tới các quan chức trúng cử về chính sách và các vấn đề ảnh hưởng đến cuộc sống của họ (Vũ Thị Thu Hằng, 2006).

Có thể khẳng định rằng, toàn cầu hóa và những yếu tố mang tính thời đại đã trở thành chất xúc tác mạnh mẽ thúc đẩy sự di lên của các nền dân chủ. Nó làm cho các giá trị dân chủ được lan tỏa và thẩm thấu một cách nhanh chóng không những trong phạm vi của mỗi quốc gia mà còn ở phạm vi khu vực và mang tính toàn cầu. Tác động tích cực của toàn cầu hóa đối với sự vận động của các nền dân chủ thì đã rõ (như đã trình bày ở trên), nhưng tác động tiêu cực của nó đối với dân chủ hóa cũng không ít. Chính sự gia tăng sức ép, sự áp đặt của các nước lớn đối với các nước nghèo và đang phát triển về những cải cách dân chủ nhằm đánh đổi sự trợ giúp về lợi ích kinh tế đang gây ra sự xung đột về dân chủ và mất ổn định ở nhiều khu vực và quốc gia trên thế giới. Do vậy, trên con đường đi tới dân chủ, việc tận dụng những thời cơ, tránh được

những nguy cơ, thách thức của toàn cầu hóa, đòi hỏi các quốc gia phải tính toán thận trọng trước khi tiến hành những cải cách về dân chủ.

* * *

Trên thế giới, dân chủ hóa đã đem lại thành công cho nhiều quốc gia trên con đường phát triển. Thực tế cho thấy, ở đâu dân chủ càng được hiện thực hóa đầy đủ thì ở đó sự ổn định và phát triển càng diễn ra mạnh mẽ; còn nơi mà kim hãm quá trình dân chủ hay dân chủ được phát triển một cách cực đoan thì ở đó diễn ra sự ngự trị của nghèo đói, mất ổn định và lạc hậu. Với những gì mà dân chủ đem lại, dân chủ hóa có *vai trò như là một động lực của tăng trưởng, và là công cụ mạnh mẽ* trong quá trình phát triển. Điều này trở nên quan trọng hơn khi quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, vì dân chủ hóa không chỉ là vấn đề bên trong của các quốc gia mà nó còn chứa đựng những yếu tố vượt ra ngoài biên giới quốc gia khi mà sự tương tác giữa các nền văn minh ngày một lớn. Điều đó được xác định là một trong những động lực bên ngoài thúc đẩy quá trình dân chủ hóa ở mỗi quốc gia.

Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân mà cốt lõi của nó là đẩy mạnh quá trình dân chủ hóa. Văn kiện Đại hội XI của Đảng khẳng định: *“Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước vì lợi ích của nhân dân, cán bộ công chức phải hoàn thiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tôn trọng nhân dân”* (Đảng Cộng sản Việt Nam,

2011). Việc tham khảo, học hỏi kinh nghiệm về dân chủ hóa có ý nghĩa quan trọng. Nó không chỉ giúp chúng ta nhận thức rõ hơn về những thành công và hạn chế trong quá trình dân chủ hóa và rút ra những bài học kinh nghiệm về dân chủ hóa ở Việt Nam thời gian qua, mà quan trọng hơn còn giúp chúng ta xác định từng bước đi và lộ trình phù hợp trong tiến trình dân chủ hóa ở nước ta, đảm bảo mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adam Przeworski and Fernando Limongi (1997), “Modernization: Theories and Facts”, *World Politics*, Vol.49, Iss.2.
2. Arend Liphart (1984), *Các mô hình dân chủ một nghiên cứu so sánh ở 21 quốc gia*, Nxb. Đại học Yale, Nguyễn Đăng Quang dịch.
3. Hoàng Chí Bảo (2010), *Dân chủ và dân chủ ở cơ sở nông thôn trong tiến trình đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. David Held (1996), *Models of democracy*, Stanford University Press, California, USA.
6. Tô Huy Rúa (2008), *Mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị một số nước trên thế giới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Farrukh Iqbal và Jong-Il You (2002), *Dân chủ kinh tế thị trường và phát triển - Từ góc nhìn châu Á*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

8. Vũ Thị Thu Hằng (2006), “Tác động của kinh tế tri thức đối với sự phát triển các giá trị dân chủ trong đời sống xã hội”, luận văn thạc sỹ Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
9. Samuel Huntington (1992), *The Third Wave: Democratization in The Late Twentieth Century*, University of Oklahoma Press, Norman and London.
10. N. M. Voskresenskaia, N. B. Davletshina (2009), *Chế độ dân chủ, Nhà nước và xã hội*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
11. Seymour Martin Lipset (1995), “Some social requisites of democracy: Economic development and political legitimacy”, *American Political Science Review*, Vol.53, N°1, pp.69-105.
12. Smith, Brian (1985), *Democratization: The Territorial Dimension of the State*, George Allen and Unwin, London.
13. Yoshihara, Kunio (1996), *Văn hóa, thể chế và tăng trưởng kinh tế: Nghiên cứu so sánh Hàn Quốc với Thái Lan*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Walden Bello and Stephanie Rosenfeld (1993), *Dragons in Distress*, San Francisco, Calif., USA.
15. William Turley (2009), “Các kiểu dân chủ và vấn đề về sự thay đổi chính trị”, *Thông tin Chính trị học*, số 2 (41).

(Tiếp theo trang 60)

So sánh giữa các khu vực cho thấy, tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường ở khu vực nông thôn cao hơn thành thị. Sự chênh lệch giữa hai khu vực tăng khi độ tuổi tăng. Chênh lệch giới về tình trạng đi học ở độ tuổi tiểu học ở cấp quốc gia dường như rất nhỏ, trừ dân tộc Mông và nhóm trẻ em khuyết tật. Đến độ tuổi trung học cơ sở, sự chênh lệch giới trở nên rõ hơn, đặc biệt ở các nhóm dân tộc thiểu số, với tỷ lệ trẻ em trai không đến trường và thôi học đều cao hơn trẻ em gái, trừ dân tộc Mông và nhóm trẻ em di cư. Trẻ em trong các gia đình di cư có tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường cao hơn các gia đình không di cư: 1,3 lần ở độ tuổi mầm non; 1,8 lần ở độ tuổi tiểu học; và 2,4 lần ở độ tuổi trung học cơ sở. Sự khác biệt này cũng tăng theo độ tuổi.

Theo những con số được đưa ra trong Báo cáo, có thể thấy trẻ em khuyết tật có bất lợi rõ rệt về giáo dục, với tỷ lệ đi học rất thấp và ngược lại tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường rất cao. Tỷ lệ ở tiểu học và trung học cơ sở là khoảng 25% đối với trẻ khuyết tật nhẹ và lên đến trên 90% đối với trẻ khuyết tật nặng.

Với những kết quả thu được, Báo cáo sẽ góp phần nâng cao nhận thức về trẻ em ngoài nhà trường, giúp cải thiện công tác quản lý, lập kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo cũng như tăng cường vận động chính sách để giảm thiểu trẻ em ngoài nhà trường, thực hiện quyền học tập của trẻ em nói chung và đặc biệt là các nhóm trẻ em thiệt thòi.

HOÀI PHÚC